

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
các báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt
Nam và Chế độ Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã kiểm
toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22 tháng 8 năm 1992 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("Ngân hàng Nhà nước" hoặc "NHNN") cấp, Giấy phép thành lập số 463/GP-UB ngày 1 tháng 9 năm 1992 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300872315 ngày 2 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một (1) Trung tâm kinh doanh và mười bốn (14) chi nhánh tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2006, Ngân hàng đã được NHNN chấp thuận về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng và có thời gian hoạt động là thời gian hoạt động còn lại của Ngân hàng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam theo Giấy phép số 288/QĐ-NHNN. Vốn điều lệ đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 300 tỷ đồng. Tỷ lệ góp vốn của Ngân hàng vào công ty con là 100%.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Xuân Loan	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Nguyễn Quốc Mỹ	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Huỳnh Thành Chung	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Phan Đình Tân	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Dậu	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Bà Võ Thị Tuyết Nga	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Lê Thanh Đạm	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Triệu Kim Cân	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Trang Xuân Từng	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011



Handwritten signature

Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Nam Á

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 9 tháng 6 năm 2009
Bà Võ Thị Tuyết Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 4 năm 2006
Ông Nguyễn Danh Thiết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 2 năm 2008
Ông Trần Ngọc Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 2 năm 2008
Ông Nguyễn Bình Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 10 năm 2009
Bà Lý Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 10 tháng 1 năm 2011
Bà Trần Thị Bảo Trâm	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 2 năm 2011

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Xuân Loan, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Tổng Giám đốc được ủy quyền ký các báo cáo tài chính theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.

37231
HÀNG
MẠI CỔ PHẦN
NAM Á
HỘI QUẢN

Handwritten signature

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho các năm tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 2 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") và công ty con được trình bày từ trang 5 đến trang 70, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với các báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 30 tháng 3 năm 2012.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Nguyễn Xuân Đại
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Nguyễn Chí Cương

Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1103/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 2 năm 2013

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ (Trình bày lại)
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	285.037.398.894	194.647.446.002
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	299.956.739.037	150.546.075.468
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	7	2.864.505.809.629	3.816.034.851.026
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	7.1	1.949.926.254.629	3.816.034.851.026
Cho vay các TCTD khác	7.2	922.070.000.000	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	10	(7.490.445.000)	-
Chứng khoán kinh doanh	8	146.415.117.610	148.480.773.534
Chứng khoán kinh doanh		149.803.679.110	151.939.428.834
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.388.561.500)	(3.458.655.300)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
Cho vay khách hàng, các hợp đồng mua và cam kết bán lại		6.778.516.891.873	6.891.444.029.921
Cho vay khách hàng, các hợp đồng mua và cam kết bán lại	9	6.848.139.330.535	6.944.123.221.912
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(69.622.438.662)	(52.679.191.991)
Chứng khoán đầu tư	11	2.428.814.674.932	2.790.710.707.908
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	1.577.824.617.196	1.718.901.647.750
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2	850.990.057.736	1.071.809.060.158
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn		385.480.000.000	360.480.000.000
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác	12	385.480.000.000	360.480.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản cố định		830.612.564.776	827.489.626.385
Tài sản cố định hữu hình	13.1	400.994.425.709	390.665.512.545
Nguyên giá tài sản cố định		497.015.617.839	454.609.938.860
Hao mòn tài sản cố định		(96.021.192.130)	(63.944.426.315)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	13.2	429.618.139.067	436.824.113.840
Nguyên giá tài sản cố định		450.786.692.019	450.760.784.519
Hao mòn tài sản cố định		(21.168.552.952)	(13.936.670.679)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản Có khác	14	1.988.883.464.802	3.710.557.726.890
Các khoản phải thu	14.1	1.349.333.330.015	2.479.580.146.068
Các khoản lãi, phí phải thu		571.185.418.434	497.328.149.219
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản Có khác	14.2	68.795.980.102	733.649.431.603
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác		(431.263.749)	-
TỔNG TÀI SẢN		16.008.222.661.553	18.890.391.237.134

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ (Trình bày lại)
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	250.000.000.000	544.851.104.632
Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	2.096.964.252.783	5.554.682.001.306
Tiền gửi của các TCTD khác	16.1	615.433.063.567	5.554.682.001.306
Vay các TCTD khác	16.2	1.481.531.189.216	-
Tiền gửi của khách hàng	17	8.727.085.884.073	6.445.925.609.823
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		-	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	18	4.088.806.731	5.356.512.388
Phát hành giấy tờ có giá	19	1.279.063.651.724	2.819.357.725.000
Các khoản nợ khác		374.166.632.610	367.291.249.854
Các khoản lãi, phí phải trả		223.138.126.038	185.022.008.237
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	20	114.990.423.796	181.240.471.043
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10	36.038.082.776	1.028.770.574
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		12.731.369.227.921	15.737.464.203.003
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn		3.002.582.440.242	3.002.582.440.242
Vốn điều lệ		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		10.126.842	10.126.842
Thặng dư vốn cổ phần		2.547.141.600	2.547.141.600
Cổ phiếu quỹ		-	-
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		25.171.800	25.171.800
Các quỹ dự trữ		120.722.441.988	57.219.457.774
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối		153.548.551.402	93.125.136.115
Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22.1	3.276.853.433.632	3.152.927.034.131
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.008.222.661.553	18.890.391.237.134

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	37	691.772.886.376	88.140.443.063
Bảo lãnh vay vốn		-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		53.734.552.782	27.623.794.660
Bảo lãnh khác		638.038.333.594	60.516.648.403
Các cam kết đưa ra		438.699.622.848	448.830.020.925
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		438.699.622.848	448.830.020.925
		1.130.472.509.224	536.970.463.988

Người lập:

Bà Trần Phương Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Bảo Trâm
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 2 năm 2013



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND (Trình bày lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	2.039.864.701.423	1.933.339.694.988
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(1.591.842.775.313)	(1.459.409.549.152)
Thu nhập lãi thuần		448.021.926.110	473.930.145.836
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		97.692.325.432	43.504.763.516
Chi phí hoạt động dịch vụ		(59.677.946.117)	(26.926.893.852)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	38.014.379.315	16.577.869.664
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	4.131.198.461	51.995.723.808
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	70.093.800	(832.528.600)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	76.242.967.647	-
Thu nhập từ hoạt động khác		25.953.982.354	4.683.457.574
Chi phí hoạt động khác		(13.429.078.412)	(4.189.915.040)
Lãi thuần từ hoạt động khác	31	12.524.903.942	493.542.534
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	58.835.591.622	45.684.666.048
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		637.841.060.897	587.849.419.290
Chi phí cho nhân viên		(135.342.831.444)	(127.456.410.095)
Chi phí khấu hao		(39.813.900.952)	(26.122.219.745)
Chi phí hoạt động khác		(140.291.933.869)	(91.771.125.179)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	33	(315.448.666.265)	(245.349.755.019)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		322.392.394.632	342.499.664.271
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(80.949.273.403)	(21.480.226.695)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		241.443.121.229	321.019.437.576
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(60.797.766.638)	(80.497.041.187)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21.2	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN		(60.797.766.638)	(80.497.041.187)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		180.645.354.591	240.522.396.389
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	602	816

Người lập:



Bà Trần Phương Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Trần Thị Bảo Trâm
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 2 năm 2013

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.965.223.941.609	1.670.862.190.415
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.553.959.889.681)	(1.427.554.640.958)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		39.082.075.075	16.662.134.210
Chênh lệch số tiền thực thu (thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		80.374.166.108	51.995.723.808
Thu nhập (chi phí) khác		8.466.701.049	(9.504.457.517)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	31	4.099.992.681	2.450.377.777
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(273.981.268.188)	(219.196.405.645)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	21.1	(50.259.228.805)	(86.121.801.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		219.046.489.848	(406.879.405)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng) giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(2.413.956.054.632)	259.518.400.360
Giảm (tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		155.262.317.635	(699.420.316.218)
(Tăng) giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
Giảm (tăng) các khoản cho vay khách hàng, các hợp đồng mua và cam kết bán lại		95.983.891.377	(943.066.846.117)
Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn		(21.506.269.530)	(22.569.013.933)
Giảm (tăng) khác về tài sản hoạt động		2.041.002.065.960	(1.050.973.935.745)
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
(Giảm) tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(294.851.104.632)	544.851.104.632
(Giảm) tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		(3.457.717.748.523)	1.498.620.732.862
Tăng tiền gửi của khách hàng		2.281.160.274.250	664.132.430.597
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro		(1.267.705.657)	(56.043.223.693)
(Giảm) tăng phát hành giấy tờ có giá		(1.540.294.073.276)	1.480.234.491.000
Tăng (giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
Tăng (giảm) về nợ phải trả khác		61.207.803.301	(899.972.740.173)
Chi từ các quỹ dự trữ		(6.657.880.034)	(8.124.520.479)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(2.882.587.993.913)	766.779.683.688
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(82.955.668.906)	(329.080.400.661)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	31	10.472.728	545.454.545
Tiền chi thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(25.000.000.000)	(120.000.000.000)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		65.879.618.289	38.640.639.381
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(42.065.577.889)	(409.894.306.735)



Handwritten signature

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

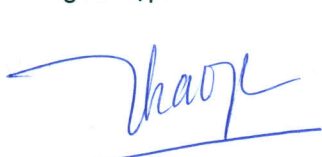
B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ		-	1.002.547.141.600
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	24	(193.540.462.766)	(115.110.838.902)
Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(193.540.462.766)	887.436.302.698
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.118.194.034.568)	1.244.321.679.651
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		4.026.826.772.856	2.782.505.093.205
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	34	908.632.738.288	4.026.826.772.856

Người lập:

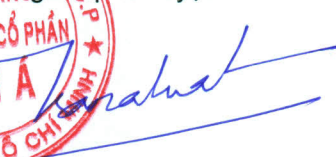
Người kiểm soát:

Người phê duyệt:









Bà Trần Phương Thảo
Kế toán Tổng hợp

Bà Trần Thị Bảo Trâm
Kế toán Trưởng

Ông Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 2 năm 2013

